

## 55 NĂM CHẶNG ĐƯỜNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên tiền thân là Ban Khoa học và kỹ thuật tỉnh Lai Châu cũ nay là tỉnh Điện Biên, được thành lập theo quyết định số 372/QĐ, ngày 27-7-1968 của Ủy ban hành chính tỉnh Lai Châu, thời kỳ đó Ban Khoa học và Kỹ thuật là cơ quan tổng hợp nghiên cứu công tác khoa học và kỹ thuật; phổ biến việc ứng dụng công tác khoa học kỹ thuật tiên tiến trong nông nghiệp, công nghiệp và trong đời sống.

Từ tháng 7 năm 1994 Ban khoa học và kỹ thuật tỉnh Lai Châu (cũ) đổi tên thành Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường theo quyết định số 278/QĐ-UB ngày 16-7-1994, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, trụ sở tại thị xã Mường Lay ngày nay.

Năm 2003 Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Lai Châu đổi tên thành Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu theo quyết số 62/2003/QĐ-UB, ngày 01-10-2003 của UBND tỉnh Lai Châu. Đến tháng 11/2003 tách tỉnh đổi tên thành Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở theo quy định của pháp luật. Trụ sở đóng

tại số 886, đường Võ Nguyên Giáp, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ.

Qua 55 năm thành lập và hoạt động (1968 - 2023), được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ, sự phối kết hợp với các Sở, ban, ngành trong tỉnh, sự nỗ lực của tập thể công chức, viên chức và người lao động, Sở Khoa học và Công nghệ đã đạt được những thành tựu quan trọng, đội ngũ công chức, viên chức của Sở đã trưởng thành trên nhiều lĩnh vực về chuyên môn, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Giám đốc Sở nay là đồng chí Nguyễn Đức Hạnh, với 54 công chức, viên chức và người lao động có trình độ trên đại học 10 người; đại học, cao đẳng 40 người, trình độ khác 04 người; cao cấp LLCT 10 người, trung cấp LLCT 18 người; chuyên viên cao cấp 01 người, chuyên viên chính 18 người, chuyên viên 14 người. Cơ sở vật chất khang trang hơn, với 02 dãy nhà ba tầng và 01 dãy nhà 2 tầng trên khuôn viên rộng hơn 780m<sup>2</sup>. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên có 05 phòng: Văn phòng; Thanh tra; phòng Kế hoạch - Quản lý khoa học; phòng Quản lý công nghệ - An toàn bức xạ, hạt nhân - Sở hữu trí tuệ; phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; các đơn vị trực thuộc Sở gồm: Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ (thành lập năm 2006) và Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (thành lập năm 2013).

Sở đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nhiều



ngộ quyết, chương trình, kế hoạch và các văn bản quy phạm pháp luật về thể chế, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền về các hoạt động, kết quả, thành tựu đạt được của ngành khoa học công nghệ trong đời sống và sản xuất góp phần nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự đồng thuận, thu hút sự quan tâm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển khoa học và công nghệ; từng bước nhân rộng và tăng cường phổ biến kiến thức khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Sở đã làm tốt công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học thuộc các lĩnh vực: khoa học nông nghiệp; khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học xã hội và nhân văn; khoa học giáo dục - đào tạo, y dược để cung cấp dữ liệu khoa học phục vụ hoạt động chỉ đạo điều hành, quản lý nhà nước. Việc ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, thông qua các dự án thuộc Chương trình NTMN cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp thu, làm chủ, là cầu nối chuyển giao tiến bộ công

nghe, kỹ thuật công nghệ vào sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, hợp tác xã và góp phần vào phát triển nền kinh tế của địa phương; có thể thấy việc ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực đã từng bước đi vào cuộc sống, từng bước khẳng định vai trò của khoa học công nghệ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong từng ngành, lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Trong thời gian qua việc bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá được chú trọng, trong đó chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm gạo Điện Biên tiếp tục được duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; năm 2022 Sở tiếp tục triển khai nhiệm vụ “Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm cà phê Mường Ảng và chè Shan tuyết Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên” và Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030.

Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, chống gian lận thương mại, bảo vệ quyền, lợi ích của người tiêu dùng và trật tự trong sản xuất kinh doanh; hệ thống tiêu chuẩn Quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thường xuyên được rà soát, bổ sung, cập nhật cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và mức độ hài hoà với

tiêu chuẩn quốc tế; hầu hết các cơ quan, đơn vị hành chính đã xây dựng, chuyển đổi và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001: 2015.

Trong 55 năm qua, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên luôn quyết tâm phấn đấu và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khoa học và công nghệ góp phần xây dựng tỉnh Điện Biên thành tỉnh giàu đẹp và văn minh trong thời đại công nghệ thông tin. Với sự nỗ lực ấy, Sở Khoa học và Công nghệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tặng Bằng khen năm 2012, 2017, 2020; Ủy ban Dân tộc Trung ương tặng

Bằng khen Chương trình phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Dân tộc với Bộ Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2012-2020; Bộ Khoa học và Công nghệ tặng Cờ Thi đua năm 2014; Chính phủ tặng Cờ thi đua năm 2022; nhiều công chức, viên chức và người lao động được tặng Bằng khen, Giấy khen và Huy hiệu vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Điện Biên. Trên chặng đường tới Sở phát huy các thành tựu đã đạt được. Ngành KH&CN góp phần xây dựng tỉnh Điện Biên ngày càng phát triển./.

**Anh Quân**

Sở Khoa học và Công nghệ

## HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VIỆC ÁP DỤNG, DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC THUỘC HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2023

**T**hực hiện Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, Quyết định phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước tỉnh Điện Biên năm 2023. Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 525/QĐ-SKH&CN ngày 17/5/2023, về việc kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Theo đó ngày 23/5/2023 Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định 525/QĐ-SKH&CN đã tiến hành thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tại 07 cơ quan/đơn vị gồm: Sở Tài chính; Thanh tra tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và

Đào tạo; Sở Ngoại vụ; Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đoàn kiểm tra đã thực hiện kiểm tra với các nội dung: kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015: phạm vi áp dụng bao gồm toàn bộ hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan; hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL); sự tuân thủ của cơ quan đối với tất cả các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, chính sách, mục tiêu, quy trình, thủ tục, các quy định có liên quan khác và các yêu cầu pháp luật liên quan; việc thực hiện các quá

trình giải quyết công việc và các quá trình được xác định trong HTQLCL; hoạt động xem xét của lãnh đạo và hoạt động đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp; hoạt động xử lý các khiếu nại liên quan đến lĩnh vực áp dụng HTQLCL (nếu có); hoạt động cải tiến trong HTQLCL.

Kiểm tra việc tuân thủ theo các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các nội dung kiểm tra: việc bảo đảm sự tham gia của lãnh đạo, các đơn vị, cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng HTQLCL; việc người đứng đầu cơ quan xác nhận hiệu lực của HTQLCL; việc công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thông báo bằng văn bản đến đơn vị chủ trì để theo dõi, tổng hợp; niêm yết tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có); việc cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL; việc công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng HTQLCL; Việc lựa chọn tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

Kết quả kiểm tra: 07/07 cơ quan/đơn vị đã công bố HTQLCL phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện kiện toàn Ban chỉ đạo ISO, niêm yết công khai chính sách chất lượng tại trụ sở cơ quan; các cơ quan/đơn vị đã ban hành Mục tiêu chất lượng, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm 2023; số lượng thủ tục hành chính đã xây dựng và áp dụng HTQLCL/Tổng số Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của



*Đ/c Lê Văn Quang - Phó Giám đốc Sở KH&CN (trưởng đoàn kiểm tra) phát biểu tại buổi làm việc với Thanh tra tỉnh.*

**Ảnh: Vũ Thủy**

các cơ quan/đơn vị được phê duyệt theo quyết định của UBND tỉnh đạt 100%; HTQLCL của các đơn vị đã được xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến; việc đánh giá nội bộ, họp xét của lãnh đạo được các đơn vị xây dựng theo kế hoạch sẽ thực hiện vào quý III, IV năm 2023. Đoàn kiểm tra đã ghi nhận những kết quả đã đạt được và yêu cầu đề nghị đối với các cơ quan chịu sự kiểm tra tiếp tục thực hiện tốt việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó đoàn kiểm tra cũng đã chỉ ra những điểm chưa phù hợp để các đơn vị có kế hoạch khắc phục và phòng ngừa, đồng thời đề nghị các đơn vị thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, xây dựng, áp dụng HTQLCL cho toàn bộ thủ tục hành chính tại đơn vị khi có sự điều chỉnh theo quyết định của UBND tỉnh.

Thông qua hoạt động kiểm tra giúp các cơ quan hành chính nhà nước nhận rõ được vai trò của việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 hiệu quả cao, lãnh đạo cơ quan có thể nắm được tình hình, tiến độ giải quyết công việc; đối với cán bộ, công chức, viên chức hiểu được quy trình, nội dung công việc phải làm; đối với người dân, doanh nghiệp có thể kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện thủ tục hành chính. Tất cả các thủ tục hành chính đều được rà soát xây dựng thành quy trình ISO đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ thời gian; được phổ biến đến từng cán bộ, công chức theo đúng quy định của Tiêu chuẩn, tạo được mối quan hệ tốt trong công tác của cơ quan, đơn vị. Cập nhật thông tin được thực hiện nhanh chóng, kịp thời theo dõi được quá

trình giải quyết công việc, kiểm soát tài liệu được thực hiện tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng công việc, việc kiểm soát tài liệu được thực hiện tốt hơn góp phần nâng cao chất lượng công việc phát huy hiệu quả hoạt động quản lý, phục vụ tốt cho nhiệm vụ cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị.

Việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Điện Biên đã đi vào nề nếp và đem lại những kết quả đáng kể, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại theo hướng công khai, minh bạch, phục vụ yêu cầu cải cách hành chính ngày càng nâng cao trong tình hình hiện nay./.

Vũ Thủy

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

## BAN VĂN HÓA – XÃ HỘI HĐND TỈNH ĐIỆN BIÊN LÀM VIỆC VỚI SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**N**gày 26/4/2023, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh Điện Biên làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ về việc giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật về phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn từ năm 2020-2023 trên địa bàn tỉnh. Đồng chí Nguyễn Quang Lâm - Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, Trưởng đoàn giám sát chủ trì buổi làm việc.

Theo báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình về KH&CN đã được các cấp ủy, chính quyền trong tỉnh quan tâm triển khai, thực hiện có hiệu quả. Hệ thống văn bản pháp luật về khoa học công nghệ đồng bộ, phù hợp với thực tiễn, các quy định ngày càng chặt chẽ, có hiệu lực cao qua các giai đoạn. Tỉnh đã ban hành

những văn bản chỉ đạo, điều hành, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học của tỉnh.

Cơ chế tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng cạnh tranh, dân chủ và bình đẳng. Bên cạnh đó, cơ chế quản lý các tổ chức khoa học và công nghệ cũng đã được đổi mới theo hướng xã hội hóa và gắn kết với sản xuất kinh doanh.

Cơ chế, chính sách tài chính cho khoa học công nghệ được đổi mới theo hướng đa dạng hóa nguồn đầu tư. Việc cấp kinh phí đến các nhà khoa học được triển khai theo hướng giảm bớt một số khâu trung gian không cần thiết. Đặc biệt, quyền tự chủ về tài chính bước đầu được áp dụng đối với các tổ chức khoa học công nghệ công lập.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học và phát triển công nghệ trải dài trên mọi lĩnh vực: nông nghiệp, xã hội nhân văn, công nghệ thông tin gắn với phát triển du lịch. Đã thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Sự tham gia nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học và phát triển công nghệ tạo đà thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Hoạt động Sở hữu trí tuệ, sáng kiến ngày càng được sự quan tâm của các sở, ban, ngành và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Số lượng đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tăng so với trước, đặc biệt các sản phẩm OCOP của các huyện thị, thành phố rất được quan tâm coi trọng. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã bám sát nhiệm vụ đề ra, các chương trình thực hiện đúng kế hoạch. Hoạt động thông tin khoa học công nghệ đã xuất bản, phát hành được các ấn phẩm thông tin khoa học công nghệ đúng kỳ hạn đảm bảo kế hoạch đề ra. Cập nhật, công bố kịp thời các tin, bài, sự kiện của ngành trên trang thông tin của Sở làm trang thông tin phong phú hơn, đa dạng hơn, sinh động hơn cả về nội dung lẫn hình thức. Cơ sở vật chất kỹ thuật, mua sắm trang thiết bị được quan tâm đầu tư đáp ứng được nhu cầu của công việc.

Kinh phí chi cho sự nghiệp KH&CN giai đoạn 2020-2023 năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên do nguồn kinh phí hạn hẹp, đã hạn chế các nguồn lực đầu tư “tới ngưỡng” cho việc triển khai các hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh.



*Ông Nguyễn Quang Lâm - Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, Trưởng đoàn giám sát phát biểu và chủ trì buổi làm việc.*

**Ảnh: Gia Bảo**

Tại buổi làm việc, lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ kiến nghị: cần quan tâm tăng phân bổ nguồn ngân sách đầu tư cho KH&CN để triển khai thực hiện các dự án đầu tư nâng cao năng lực cho các trung tâm trực thuộc đủ năng lực đẩy mạnh thực hiện công tác thông tin, ứng dụng tiên bộ KH&CN cũng như phục vụ công tác quản lý nhà nước về KH&CN; ban hành chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh nhằm đẩy nhanh các tiên bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, đóng góp thiết thực, hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Kết luận tại buổi làm việc đồng chí Nguyễn Quang Lâm - Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đã đánh giá cao và ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của Sở Khoa học và Công nghệ trong thời gian qua; đồng thời, tiếp thu những kiến nghị, đề xuất của Sở để báo cáo Thường trực HĐND tỉnh trong phiên họp sắp tới./.

**Gia Bảo**

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

# KẾ HOẠCH PHÁT ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA “CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2023-2030”

Thực hiện Kế hoạch số 2158/KH-UBND, ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phát động và tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Chuyển đổi số giai đoạn 2023-2030” trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng kế hoạch số 665/KH-SKHCN, ngày 13/6/2023 về phát động và tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Chuyển đổi số giai đoạn 2023-2030”. Với chủ đề “Sở Khoa học và Công nghệ thi đua xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số góp phần phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân”. Phong trào thi đua được triển khai trong toàn ngành, giai đoạn I từ 2023-2025; giai đoạn II từ 2026-2030.

## 1. Nội dung thi đua

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy, chính quyền, phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, đoàn thể về chuyển đổi số, nâng cao nhận thức về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số, gắn tuyên truyền với các mục tiêu, nhiệm vụ của chuyển đổi số với các nghị quyết, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị. Xây dựng các cơ chế, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho Chuyển đổi số trong hoạt động nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình mới. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ CBCCVN, người lao động

về chuyển đổi số; ưu tiên đảm bảo các nguồn lực để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số.

Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số trong thay đổi mô hình, quy trình, sản phẩm của doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tăng cường đầu tư nâng cấp hạ tầng thiết bị và ứng dụng sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Phối hợp xây dựng và tạo lập dữ liệu mở phục vụ trong công tác khai thác, truy cập, sử dụng, góp phần công khai minh bạch, phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và an toàn dữ liệu; bảo đảm an toàn và quyền riêng tư trong việc chia sẻ dữ liệu quản lý công dân trong phục vụ trực tuyến; phòng chống hiệu quả các hoạt động phá hoại, thâm nhập hệ thống quản lý, điều hành chính quyền số, cảnh báo sớm nguy cơ, xử lý ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh xảy ra tại cơ quan.

## 2. Mục tiêu thi đua

- 100% văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị được trao đổi, liên thông trên môi trường mạng (trừ văn bản mật).

- 100% công chức, viên chức, người lao động sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

- 100% hoạt động chỉ đạo điều hành và quản trị nội bộ được thực hiện trên không gian mạng.

- 100% báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia.

- 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của các cơ quan, đơn vị có thể thực hiện được thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thường xuyên được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản.

Để Phong trào thi đua “Chuyển đổi số giai đoạn 2023-2030” đạt được hiệu quả thiết thực cần phải: tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số; quán triệt sâu sắc về nội dung, ý nghĩa của phong trào thi đua Chuyển đổi số, phát huy tính chủ động, tích cực, trách nhiệm, tự giác của tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao góp phần thực hiện thắng lợi chương trình chuyển đổi số Quốc gia; xây dựng lề lối, phương thức làm việc, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; triển khai thực hiện việc xác thực định danh điện tử công dân qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khi thực hiện giải quyết thủ tục hành

chính. 100% công chức, viên chức, người lao động trong doanh nghiệp tham gia hệ thống chính quyền điện tử thông suốt trên tất cả hệ thống liên thông cấp tỉnh; đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện phong trào thi đua gắn với kiểm tra sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị đưa phong trào thi đua Chuyển đổi số ngày càng đi vào nề nếp, hiệu quả, thực chất; quan tâm phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, nhân rộng các mô hình tiêu biểu, điển hình xuất sắc trong phong trào thi đua tạo sức lan tỏa trên các mặt, lĩnh vực của đời sống xã hội; kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, chú trọng khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích phát huy sáng kiến, sáng tạo, thiết thực, hiệu quả.

Bên cạnh đó các phong trào thi đua phải được triển khai sâu rộng, đồng bộ, xuyên suốt đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành với nội dung, hình thức phong phú, thiết thực và đạt hiệu quả. Công chức, viên chức, người lao động phải coi việc thực hiện Phong trào thi đua là nhiệm vụ quan trọng, luôn song hành trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị. Đề cao trách nhiệm vai trò người đứng đầu trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện phong trào thi đua, việc tổ chức phải thường xuyên, liên tục, có đôn đốc, kiểm tra đánh giá định kỳ hàng năm. Việc bình xét, lựa chọn và đề nghị khen thưởng phải được thực hiện từ cơ sở; công tác khen thưởng phải đảm bảo dân chủ, chính xác, công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng hiện hành./.

**Trần Thơm**

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng



# HỘI NGHỊ TẬP HUẤN QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT TRONG TRỒNG TRỌT (VIETGAP)

Xu thế xã hội hiện nay đối với tiêu dùng, đặc biệt đối với thực phẩm là theo hướng sạch và hữu cơ. Chính vì thế, các cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh hàng hóa liên quan đến thực phẩm cũng phải bắt nhịp xu hướng, thực hành sản xuất theo các quy trình khắt khe về an toàn thực phẩm và sử dụng nguyên, nhiên liệu hữu cơ cho việc sản xuất, kinh doanh của mình để bắt kịp xu thế, không bị đào thải, phát triển kinh doanh. Vì vậy ngày 11/5/2023 Sở Khoa học và Công nghệ Điện Biên phối hợp với Viện Năng suất Việt Nam tổ chức Hội nghị tập huấn “Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong trồng trọt (VietGAP)” tại hội trường tầng 3 Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Điện Biên.

Dự hội nghị có ông Lê Văn Quang – Phó giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cùng với hơn 50 học viên đại diện các Sở, Ban ngành, Phòng kinh tế - Hạ tầng thị xã, thành phố các huyện, Hội nông dân tỉnh Điện Biên và các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tại buổi tập huấn, các học viên được chuyên gia ThS. Nguyễn Khắc Sơn giới thiệu lợi ích áp dụng VietGAP và các nội dung cụ thể trong quy trình thực hành nông nghiệp tốt trong trồng trọt (Viet GAP) theo tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017.

## 1. Lợi ích của VietGAP

VietGAP (vietnamese Good Agricultural Practices) gồm tiêu chuẩn/quy phạm quy định về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt

cho các sản phẩm nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) ở Việt Nam.

VietGAP là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, xử lý sau thu hoạch nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng; đồng thời bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản xuất.

Đối với xã hội: đây chính là bằng chứng để khẳng định tên tuổi của các sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi của Việt Nam, tăng kim ngạch xuất khẩu do vượt qua được các rào cản kỹ thuật, không vi phạm các quy định, yêu cầu của các nước nhập khẩu. Áp dụng VietGAP làm thay đổi tập quán sản xuất hiện nay, xã hội giảm bớt được chi phí y tế, người dân được sử dụng sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm nghĩa là đã nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng và đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

Đối với nhà sản xuất: giúp nhà sản xuất phản ứng kịp thời hơn với các vấn đề trong sản xuất liên quan đến an toàn, vệ sinh thực phẩm thông qua việc kiểm soát sản xuất trong các khâu làm đất, chăn nuôi cho đến khi thu hoạch, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, ổn định. Những cơ sở sản xuất áp dụng quy trình và được cấp chứng chỉ VietGAP sẽ mang lại lòng tin cho nhà phân phối, người tiêu dùng và cơ quan quản lý. Chứng chỉ VietGAP giúp người sản xuất xây dựng thương hiệu sản phẩm và tạo thị trường tiêu thụ ổn định

Đối với doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu: nguồn nguyên liệu đảm bảo chất lượng nên sẽ bảo đảm chất lượng đầu ra của sản phẩm, vì thế giữ được uy tín với khách hàng và nâng cao doanh thu. Do nguồn nguyên liệu đầu vào đã được bảo đảm, các doanh nghiệp có thể giảm bớt chi phí và thời gian cho việc kiểm tra mẫu thủy sản đầu vào. Giảm nguy cơ sản phẩm bị cấm nhập khẩu hoặc bị kiểm tra 100% khi nhập do không đảm bảo yêu cầu về dư lượng hóa chất.

Đối với người tiêu dùng: người tiêu dùng sẽ được sử dụng những sản phẩm có chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đó cũng là mục tiêu chính và lợi ích lớn nhất mà VietGAP mang lại. Với việc đề ra các nguy cơ và quy định thực hiện, VietGAP sẽ tạo nên quyền được đòi hỏi của người tiêu dùng, từ đó góp phần tạo lên một thể hệ những người tiêu dùng dễ dàng nhận biết được sản phẩm bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trên thị trường khi thấy có chứng nhận hoặc dấu chứng nhận sản phẩm VietGAP, đây cũng là động lực chính thúc đẩy người dân và các nhà sản xuất phải cải tiến để sản xuất và cung ứng các sản phẩm tốt từ nông nghiệp cho xã hội.

## 2. Quy trình thực hành nông nghiệp tốt trong trồng trọt (Viet GAP) theo tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017

Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt được định nghĩa tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



*Chuyên gia ThS. Nguyễn Khắc Sơn trình bày, giới thiệu các nội dung tại buổi tập huấn.*

*Ảnh: Trần Thơm*

ban hành. Mục đích là hướng dẫn các tổ và cá nhân sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt để đảm bảo an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm, sức khỏe và an toàn lao động đối với người sản xuất, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu thực hành nông nghiệp tốt trong sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt dùng làm thực phẩm:

### 2.1. Yêu cầu đối với VietGAP trồng trọt

- Tập huấn: người trực tiếp quản lý VietGAP phải được tập huấn về VietGAP trồng trọt hoặc có giấy chứng nhận kiến thức An toàn thực phẩm; người lao động phải được tập huấn về VietGAP trồng trọt, nếu có sử dụng các hóa chất đặc biệt cần được tập huấn theo quy định hiện hành của nhà nước; người kiểm tra nội bộ phải được tập huấn về VietGAP trồng trọt hoặc có kiến thức về VietGAP trồng trọt và kỹ năng đánh giá VietGAP trồng trọt.

- Cơ sở vật chất:

+ Dụng cụ chứa hoặc kho chứa phân bón, thuốc BVTV và hóa chất khác phải kín, không rò rỉ ra bên ngoài, có dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm. Không đặt trong khu vực sơ chế, bảo quản sản phẩm, sinh hoạt và không gây ô nhiễm nguồn nước, cần có sẵn dụng cụ, vật liệu xử lý trong trường hợp đổ, tràn phân bón, thuốc BVTV và hóa chất.

+ Nhà sơ chế, bảo quản sản phẩm phải được xây dựng ở vị trí phù hợp đảm bảo hạn chế nguy cơ ô nhiễm từ khói bụi, chất thải, hóa chất độc hại từ hoạt động giao thông, công nghiệp, bệnh viện,...khu vực sơ chế phải được bố trí theo quyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng để tránh lây nhiễm chéo.

+ Trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ sản xuất, sơ chế: phải được làm sạch trước, sau khi sử dụng và được bảo dưỡng định kỳ,...

- Quy trình sản xuất: phải có quy trình sản xuất nội bộ cho từng cây trồng hoặc nhóm cây trồng phù hợp với điều kiện của từng cơ sở sản xuất và các yêu cầu của VietGAP trồng trọt.

- Ghi chép và lưu trữ hồ sơ: phải thực hiện ghi chép các nội dung theo quy định. Phải có quy định và thực hiện lưu trữ, kiểm soát tài liệu và hồ sơ, thời gian lưu trữ hồ sơ tối thiểu là 12 tháng tính từ ngày thu hoạch để phục vụ kiểm tra nội bộ và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Quản lý sản phẩm và truy xuất nguồn gốc: sản phẩm phải đáp ứng quy định về giới hạn tối đa dư lượng thuốc BVTV, giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm. Cơ sở sản xuất phải lấy mẫu và phân tích sản phẩm theo quy định, mẫu sản phẩm cần

phân tích tại phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định, ghi phương pháp lấy mẫu sản phẩm và lưu kết quả phân tích.

- Điều kiện làm việc và vệ sinh cá nhân: cần cung cấp các điều kiện làm việc, sinh hoạt và trang thiết bị tối thiểu, an toàn cho người lao động. Cần có quy định về bảo hộ lao động, hướng dẫn sử dụng an toàn trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong quá trình sản xuất.

- Kiểm tra nội bộ: phải tổ chức kiểm tra theo các yêu cầu của VietGAP trồng trọt không quá 12 tháng một lần.

## 2.2. Yêu cầu đối với quá trình sản xuất

- Đánh giá lựa chọn khu vực sản xuất: phải lựa chọn khu vực sản xuất phù hợp, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm khói, bụi. Khu vực sản xuất không bị ô nhiễm bởi chất thải, hóa chất độc hại từ hoạt động giao thông, công nghiệp, bệnh viện,... Khu vực sản xuất VietGAP trồng trọt cần được phân biệt hoặc có biện pháp cách ly và giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm từ các khu vực trồng trọt không áp dụng VietGAP trồng trọt lân cận.

- Quản lý đất, giá thể, nước và vật tư đầu vào:

+ Đất, giá thể, nước có hàm lượng kim loại nặng không vượt quá giới hạn tối đa cho phép đối với tầng đất mặt đất nông nghiệp và chất lượng nước mặt,...

+ Vật tư đầu vào: phải sử dụng giống cây trồng có nguồn gốc rõ ràng, được phép sản xuất và kinh doanh, lựa chọn giống có khả năng kháng sâu bệnh để giảm sử dụng thuốc BVTV. Phân bón và chất bổ sung phải giữ nguyên bao bì, sử dụng phân bón theo nhu cầu của từng loại cây trồng. Thuốc BVTV và hóa chất phải giữ nguyên bao bì, các hóa chất không sử dụng hoặc hết hạn sử dụng phải thu gom và xử lý theo quy định, bảo

quản theo hướng dẫn ghi trên bao bì sản phẩm hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Thu hoạch, bảo quản và vận chuyển sản phẩm: thu hoạch phải đảm bảo thời gian cách ly đối với thuốc BTVV theo quy định hiện hành, cần thu hoạch vào thời điểm sản phẩm có chất lượng tốt nhất. Nơi bảo quản sản phẩm phải sạch sẽ, ít có nguy cơ ô nhiễm sản phẩm, vận chuyển và bảo quản sản phẩm trong điều kiện thích hợp theo yêu cầu của sản phẩm, không lẫn với các hàng hóa khác có nguy cơ ô nhiễm.

- Quản lý rác thải, chất thải: không tái sử dụng các bao bì, thùng chứa phân bón, thuốc BTVV, hóa chất để đựng sản phẩm. Vỏ bao, gói thuốc BTVV sau khi sử dụng phải thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Rác thải trong quá trình sản xuất, sơ chế, chất thải từ nhà vệ sinh phải thu gom và xử lý đúng quy định.

- Người lao động: cần sử dụng bảo hộ

lao động phù hợp với đặc thù công việc nhằm hạn chế nguy cơ ô nhiễm cho sản phẩm cũng như tác động xấu tới sức khỏe.

Thông qua buổi tập huấn này, các học viên tham dự đã nắm bắt được quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong trồng trọt (VietGAP). Đây cũng là một trong những nội dung hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng theo Kế hoạch số 1737/KH-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh Điện Biên thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên./.

**Trần Thơm**

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

## **HỘI NGHỊ TẬP HUẤN “VỀ TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM, MÃ SỐ MÃ VẠCH, TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN ĐỂ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM”**

**T**hực hiện Kế hoạch số 134/KH-SKHCN ngày 15/02/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ, triển khai các nội dung về truy xuất nguồn gốc tỉnh Điện Biên theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt năm 2023. Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị tập huấn “Về tiêu chuẩn sản phẩm, mã số mã vạch, triển khai ứng dụng công nghệ tiên tiến để truy xuất nguồn gốc sản phẩm”. Theo đó

ngày 27/6/2023 Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Trung tâm mã số mã vạch (MSMV) quốc gia tổ chức Hội nghị tập huấn “Về tiêu chuẩn sản phẩm, mã số mã vạch, triển khai ứng dụng công nghệ tiên tiến để truy xuất nguồn gốc sản phẩm”.

Thời gian diễn ra Hội nghị tập huấn là 01 ngày, tham dự Hội nghị có các đại biểu đến từ các sở, ngành, UBND cấp huyện,

các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, các chủ thể OCOP, phóng viên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, báo Điện Biên Phủ. Mục đích tổ chức Hội nghị tập huấn nhằm hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, các chủ thể OCOP nắm bắt thông tin, quy định về MSMV, các tiêu chuẩn liên quan truy xuất nguồn gốc (TXNG), qua đó giúp các đơn vị xây dựng hệ thống TXNG sản phẩm, hàng hoá. Cung cấp các thông tin thiết yếu về TXNG, vai trò, tầm quan trọng của hoạt động TXNG trong đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hoá. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo đảm chất lượng, tính an toàn của sản phẩm, hàng hoá.

Nội dung Hội nghị tập huấn về MSMV và truy xuất nguồn gốc, triển khai ứng dụng công nghệ tiên tiến để truy xuất nguồn gốc sản phẩm gồm:

Phần I - Tổng quan về MSMV, ứng dụng của MSMV trong thực tiễn: (01) Giới thiệu về Trung tâm MSMV quốc gia; (02) Giới thiệu về MSMV; (03) Ứng dụng và lợi ích của MSMV; (04) Văn bản, quy định quản lý và sử dụng MSMV; (05) Hướng dẫn đăng ký sử dụng MSMV. Sau nội dung mỗi phần, học viên đã nắm được nội dung cần thiết để áp dụng vào trong thực tiễn, cụ thể nội dung trọng tâm phần I: Mã số mã vạch là gì? Mã số là một dãy các ký tự được gán cho đối tượng cần quản lý, dùng để phân định đối tượng đó: vật phẩm, địa điểm, tài sản, tài liệu... Mã số dùng để phân định (phân biệt và xác định) đối tượng cần quản lý một cách đơn giản, thuận tiện. Mã vạch (barcode) là một dãy



Ông Trần Đăng Khoa - Giảng viên Trung tâm mã số mã vạch quốc gia, truyền đạt các nội dung chuyên đề tại hội nghị tập huấn.

Ảnh: Ngọc Thái

các vạch đen, trắng (vạch màu hoặc khoảng trống) song song, xen kẽ hoặc tập hợp các điểm dưới dạng ma trận theo một quy tắc nhất định, để thể hiện các chữ cái và chữ số (ký tự) sao cho máy quét có thể đọc được, mã vạch là một loại “vật mang dữ liệu” có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập dữ liệu tự động bằng thiết bị quét.

MSMV có nhiều ứng dụng vào trong thực tiễn như: tại siêu thị tính tiền thanh toán nhanh chóng, chính xác, phục vụ khách hàng văn minh, có được số liệu thống kê bán hàng, doanh số tức thời; tại thư viện biết được chính xác tên sách, nơi để sách, kiểm kê nhanh chóng chính xác, giảm bớt hoạt động ghi chép thủ công; ứng dụng MSMV trong chuyển phát nhanh là rút ngắn thời gian phân loại thư từ, hàng gửi, theo dõi được hành trình của bưu kiện.... Ngoài ra MSMV còn có rất nhiều ứng dụng khác trong các lĩnh vực khác nhau như ứng dụng trong quản lý kho, quản lý hành lý

máy bay, quản lý tài sản cơ quan, quản lý nhân sự, trong bệnh viện, trong kê khai thuế, visa, hải quan, trong truy xuất nguồn gốc và triệu hồi sản phẩm ... Trong hoạt động thương mại MSMV ứng dụng phục vụ bán hàng tự động, quản lý hoạt động sản xuất, hoạt động xuất nhập khẩu, phục vụ trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), góp phần bảo vệ thương hiệu sản phẩm, chống hàng giả, ... kiểm soát tiến độ sản xuất tức thời (ngay lập tức). Đối với doanh nghiệp MSMV ứng dụng để phục vụ quản lý: thông kê, kiểm kê, quản lý kho, lập kế hoạch sản xuất; giảm thiểu lao động thủ công, hiệu suất cao; tiết kiệm thời gian trong các hoạt động lưu kho, giao nhận, kiểm kê, bán hàng; hài lòng khách hàng và người tiêu dùng, tạo dựng niềm tin thương hiệu; nâng cao sự cạnh tranh, vị thế của doanh nghiệp trên thị trường, thúc đẩy toàn cầu hoá thương mại. Đối với người tiêu dùng MSMV còn giúp dễ dàng nhận biết hàng thật, hàng giả thông qua các thông tin từ công nghệ MSMV; truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá dễ dàng: xuất xứ, đơn vị sản xuất, thành phần, ... ; giao dịch mua bán, thanh toán nhanh gọn, chính xác, ... giảm thiểu tình trạng nhầm lẫn, gian lận trong thương mại, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng. Các văn bản pháp quy về quản lý và sử dụng MSMV đã được Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành: Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng

hoá; Thông tư số 232/2026/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số mã vạch; Thông tư số 10/2020/TT-BKHCN ngày 30/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ, quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về sử dụng MSMV. Khi sử dụng MSMV cần nắm được những chi phí cho sử dụng bao gồm: phí đăng ký; phí duy trì; đăng ký cấp mới quyền sử dụng MSMV; đăng ký cấp lại quyền sử dụng MSMV; mức phạt vi phạm trong sử dụng MSMV.

Phần II - Tổng quan về truy xuất nguồn gốc và hướng dẫn triển khai truy xuất nguồn gốc: (01) Khái niệm về truy xuất nguồn gốc; (02) Bối cảnh về truy xuất nguồn gốc; (03) Hiện trạng TXNG ở Việt Nam; (04) Đề án 100 về TXNG; (05) Ứng dụng các loại vật mang dữ liệu trong TXNG; (06) Hướng dẫn triển khai TXNG ứng dụng hệ thống NBC-Trace. Các nội dung trọng tâm phần II cụ thể như: khái niệm về TXNG theo GS1 (Đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập tự chủ phục vụ quản lý nhà nước về MSMV và truy xuất nguồn gốc) là khả năng truy ngược lại lịch sử, các áp dụng hoạt động sự kiện hoặc địa điểm của một đối tượng. Thực trạng chung về TXNG ở Việt Nam là đa phần các hệ thống TXNG hiện nay chưa được chuẩn hoá theo một tiêu chuẩn thống nhất; chưa tạo được tính liên thông giữa các hệ thống với nhau và với các hệ thống quốc tế; chưa có tính chính danh để kết nối thực hiện TXNG liên quốc gia; hệ thống TXNG do các địa phương xây dựng chưa đồng bộ; chưa thực hiện đại trà được trên nhiều loại sản phẩm hàng hoá. Ngày 19/01/2019 Thủ tướng Chính phủ ra

Quyết định số 100/QĐ-TTg Quyết định Phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG (Đề án 100). Mục tiêu của Đề án là hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật, văn bản, tài liệu hướng dẫn về TXNG; đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động TXNG; nâng cao nhận thức của xã hội, các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp; đảm bảo công khai minh bạch các thông tin TXNG của sản phẩm, hàng hoá trên thị trường, cung cấp thông tin, kiến thức thiết yếu về TXNG. Để đạt được mục tiêu Đề án 100 cần phải có nhiệm vụ và giải pháp cụ thể: xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, tài liệu hướng dẫn về TXNG; xây dựng, triển khai, ứng dụng hệ thống TXNG thống nhất trên cả nước; nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động TXNG; thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TXNG; xây dựng, vận hành Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hoá quốc gia. Tại các Bộ ngành có các hoạt động triển khai như xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai đề án 100; xây dựng, triển khai các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; rà soát, hoàn thiện các văn bản quy định, pháp luật về quản lý TXNG; tuyên truyền phổ biến đồng thời tăng cường giám sát, triển khai quản lý TXNG. Các hoạt động triển khai tại các địa phương như đào tạo, tập huấn, hướng dẫn áp dụng TXNG; xây dựng mô hình thí điểm và phổ biến nhân rộng; tham mưu, hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý thông tin TXNG; góp ý, tham mưu xây dựng kế hoạch và báo cáo. Đề án 100 có vai trò quan trọng đối với cơ quan nhà nước như kết nối và chia sẻ tập trung giữa các hệ thống TXNG; công khai, minh bạch, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; hỗ trợ thực hiện, giám sát, đánh giá các công việc liên quan quản lý TXNG, tiếp nhận, xử lý

phản ánh, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức trên toàn quốc; góp phần xây dựng Chính phủ điện tử dựa trên số liệu báo cáo, thống kê và công nghệ AI để phân tích trợ giúp cơ quan quản lý đưa chính sách kịp thời, phù hợp. Đối với doanh nghiệp, TXNG góp phần chuyển đổi số của doanh nghiệp; hỗ trợ quản trị nội bộ, tối ưu hiệu quả hoạt động, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; nâng cao vị thế thương hiệu, tạo dựng niềm tin với người tiêu dùng, tạo môi trường kinh doanh minh bạch.

Trong quá trình giảng dạy, lớp tập huấn được Ông Trần Đăng Khoa; Ông Nguyễn Văn Công - Báo cáo viên Trung tâm MSMV quốc gia chia sẻ những kinh nghiệm hữu ích về các nội dung liên quan đến các chuyên đề học tập. Qua đó học viên nắm vững được tổng quan về MSMV, từ đó ứng dụng MSMV vào trong trong thực tiễn sản xuất và đời sống; hiểu tổng quan về TXNG và lợi ích của TXNG đối với cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng. Hoạt động tổ chức các hội nghị tập huấn, đào tạo về mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa trên toàn quốc nói chung và tại tỉnh Điện Biên nói riêng đang ngày càng được nâng cao vị thế, đóng vai trò quan trọng trong hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước, bảo đảm chất lượng, tính an toàn của sản phẩm, hàng hóa. Đồng thời, nâng cao nhận thức của xã hội, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, các chủ thể OCOP... về TXNG, đảm bảo tính công khai, minh bạch các thông tin TXNG của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường, cung cấp các thông tin, kiến thức thiết yếu về TXNG./.

**Ngọc Thái**

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

# HỘI NGHỊ TẬP HUẤN NÂNG CAO KỸ NĂNG TẠO LẬP, QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU, SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN OCOP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Sáng 12/5/2023 Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Trung tâm thẩm định Nhãn hiệu - Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức hội nghị tập huấn “Nâng cao kỹ năng tạo lập, quản lý và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm tiêu biểu, sản phẩm chứng nhận OCOP trên địa bàn tỉnh Điện Biên” tại hội trường tầng 3 Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Điện Biên.

Dự hội nghị có ông Vũ Xuân Linh - Phó giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cùng với hơn 50 học viên là các đồng chí cán bộ, công chức phụ trách lĩnh vực sở hữu trí tuệ, phụ trách sản phẩm OCOP của các sở, ngành, UBND 10 huyện, thị xã, thành phố, các đồng chí lãnh đạo cấp xã, phường, thị trấn và hơn 40 chủ thể OCOP trên địa bàn tỉnh.

Tại buổi tập huấn, các học viên được chuyên gia ThS Lê Việt giới thiệu các nội dung cụ thể gồm: kiến thức chung và các quy định pháp lý liên quan thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hướng dẫn bảo hộ nhãn hiệu (nhãn hiệu thông thường, nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể); sử dụng và khai thác hiệu quả nhãn hiệu đã được bảo hộ; hướng dẫn tra cứu cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ và tư vấn hướng dẫn thực hành đăng ký bảo hộ nhãn hiệu.

Các học viên dự hội nghị đã cùng nhau trao đổi, thảo luận và được chuyên gia giải đáp nhiều khó khăn, vướng mắc về các vấn



*Chuyên gia ThS Lê Việt trình bày, giới thiệu các nội dung tại buổi tập huấn.*

**Ảnh: Gia Bảo**

đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Thông qua buổi tập huấn học viên nắm bắt rõ hơn việc đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm OCOP, hỗ trợ hiệu quả cho việc quảng bá, giới thiệu, tiếp thị sản phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Một sản phẩm cạnh tranh được gắn các công cụ cạnh tranh như thương hiệu, bao bì, kĩ thuật được pháp luật bảo hộ sẽ cung cấp cho chủ sở hữu các phương án quản lý, kinh doanh hiệu quả, tạo ra sự khác biệt cho sản phẩm, cũng như tạo một mức độ độc quyền nhất định, giúp giảm thiểu các rủi ro trong quá trình đưa sản phẩm ra thị trường./.

**Gia Bảo**

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN



# HỘI THI ẨM THỰC CHÀO MỪNG NGÀY GIA ĐÌNH VIỆT NAM 28/6/2023

## CHỦ ĐỀ “ BỮA CƠM GIA ĐÌNH ẤM ÁP YÊU THƯƠNG”

**G**ia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách của trẻ em. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc là góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Với ý nghĩa đó Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 72/2001/QĐ-TTg ngày 04/5/2001 lấy ngày 28/6 hàng năm làm Ngày Gia đình Việt Nam để tôn vinh những giá trị tốt đẹp của gia đình, những giá trị văn hóa tốt đẹp từ ngàn đời xưa.

Hưởng ứng Ngày Gia đình Việt Nam năm 2023, Công đoàn cơ sở Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Hội thi ẩm thực với chủ đề “Bữa cơm gia đình, ấm áp yêu thương”. Tham gia Hội thi có 07 đội dự thi đến từ các tổ công đoàn của Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Khuyến nông, giống cây trồng, vật nuôi; xã Noong U và xã Pu Nhi.

Các đội đã mang đến Hội thi những mâm cơm với các món ăn đều được chế biến ngon mắt, trình bày đẹp đẽ, có giá trị dinh dưỡng cao thích hợp cho mọi lứa tuổi và quan trọng hơn cả trong từng món ăn chứa đựng tình yêu thương, sự ấm áp, sum vầy của các thành viên đúng theo tinh thần chủ đề của Hội thi.



*Đội đạt giải nhất tại hội thi.*

**Ảnh: Nguyễn Quyền**

Tất cả các món ăn được chế biến theo nguyên lý phối trộn gia vị và phù hợp với những thói quen ăn uống nói chung của người Việt, mang tính truyền thống ẩm thực, chứa đựng bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Hội thi tạo không khí vui vẻ, giao lưu, gắn kết, học hỏi giữa các đơn vị, nhằm nâng cao kỹ năng nội trợ, tạo cơ hội cho nữ CNVCLĐ được giao lưu học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong chế biến, cải thiện bữa ăn ngon, đảm bảo dinh dưỡng. Nâng cao trách nhiệm của đoàn viên, CNVCLĐ với vị trí, vai trò của gia đình, cách tổ chức cuộc sống gia đình, xây dựng mối quan hệ bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình, có sự chia sẻ của nam CNVCLĐ với chị em trong công việc gia đình khi anh em cùng tham gia nội trợ. Sau 120 phút dự thi, Ban Tổ

chức đã trao 07 giải thưởng và quà của nhà tài trợ Công ty 565 Điện Biên: 01 giải nhất cho đội Công đoàn Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ; 02 giải nhì cho đội Công đoàn: xã Pu Nhi; Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ; 02 giải ba, 02 giải khuyến khích cho các đội.

Qua Hội thi, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, CNVCLĐ thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, xây dựng gia

đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Mỗi đoàn viên, CNVCLĐ tích cực hưởng ứng các hoạt động kỷ niệm Ngày gia đình Việt Nam 28/6, tạo sự gắn kết tình cảm giữa các thành viên với nhau, từng bước đưa “Ngày gia đình” trở thành ngày hội lớn, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, được lưu truyền tốt đẹp trong mỗi gia đình Việt Nam./.

**Nguyễn Quyền**

Sở Khoa học và Công nghệ

## ĐIỆN BIÊN XẾP 22/63 TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VỀ CCHC NĂM 2022

Sáng ngày 11/5/2023, UBND tỉnh Điện Biên tổ chức Hội nghị trực tiếp và trực tuyến phân tích kết quả chỉ số cải cách hành chính (CCHC)(Par Index), chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Sipas) tỉnh Điện Biên; Công bố kết quả Chỉ số CCHC của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2022.

Chủ trì tại điểm cầu UBND tỉnh Điện Biên có các đồng chí: Trần Quốc Cường - Bí thư Tỉnh ủy; Lê Thành Đô - PBT Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban chỉ đạo CCHC; Phạm Đức Toàn, Ủy viên BTV Tỉnh ủy - Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh đồng chủ trì hội nghị. Các đồng chí: Giàng Thị Hoa, Ủy viên BTV Tỉnh ủy - Phó Chủ tịch HĐND tỉnh; Lò Văn Tiên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; đại diện lãnh đạo các sở, ban ngành, UBND

huyện, thị, thành phố; công chức đầu mối các sở, ban, ngành tham dự tại điểm cầu tỉnh.

Hội nghị đã nghe Báo cáo tóm tắt kết quả chỉ số CCHC (Par Index) của tỉnh, chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Sipas) tỉnh (do Bộ Nội vụ khảo sát) và kết quả chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), cho thấy: năm 2022, chỉ số Par Index của tỉnh Điện Biên đạt 86,30/100 điểm, xếp thứ 22/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 2 bậc so với năm 2021. Kết quả đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Sipas) năm 2022 của tỉnh đạt 78,63% đứng thứ 39/63 tỉnh. Mức độ hài lòng của người dân đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công năm 2022 của tỉnh đạt 78,96%, mức độ hài lòng trong khoảng 75,11% - 82,30% - đạt mức Khá trở lên, tuy nhiên, kết quả Sipas 2022 cũng cho thấy một số tồn tại, hạn chế

trong việc cung ứng dịch vụ hành chính công, phục vụ người dân, tổ chức của cơ quan hành chính nhà nước trong năm 2022.

Đối với chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Điện Biên đạt 39,67/80 điểm, tăng 2,45 điểm, xếp vị trí thứ 59 cả nước, tăng 2 bậc so với năm 2021. Chỉ số PAPI được đánh giá với 8 trục nội dung, trong đó năm 2022 có 7/8 trục nội dung tăng điểm so với năm 2021, đó là: tham gia của người dân ở cấp cơ sở; công khai, minh bạch trong việc ra quyết định; trách nhiệm giải trình với người dân; kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; cung ứng dịch vụ công; quản trị môi trường; quản trị điện tử. Riêng trục nội dung “Thủ tục hành chính công” giảm 0,1 điểm so với năm 2021.

Tại Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt và công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Sở Khoa học và Công nghệ xếp vị trí thứ 7/19 sở, ban ngành tăng 2 bậc so với năm 2021. Để đạt được thành quả đó là sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo Sở và sự đồng lòng, trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức tại đơn vị.

Đây là năm tỉnh Điện Biên có chỉ số



Toàn cảnh hội nghị.

Ảnh: Đinh Hà

CCHC đạt vị trí xếp hạng cao nhất, đồng thời là năm thứ 6 liên tiếp giữ ổn định ở thứ hạng khá. Chỉ số CCHC, chỉ số Sipas của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện đều đạt mức khá và tăng điểm so với năm 2021; dần thay đổi tư duy từ nền “hành chính quản lý” sang “hành chính phục vụ”, hướng tới sự hài lòng của doanh nghiệp và người dân.

Phát biểu chỉ đạo tại hội nghị, Bí thư Tỉnh ủy Trần Quốc Cường đánh giá cao và biểu dương những đơn vị đã thực hiện tốt công tác CCHC trong năm 2022 và nhấn mạnh: CCHC là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục nhằm xây dựng nền hành chính năng động, hiện đại, theo hướng phục vụ người dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cấp chính quyền, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; là động lực, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm tới. Đồng chí

đề nghị UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã thành phố cần tiếp tục quán triệt chủ trương của Đảng, nghị quyết của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về CCHC; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 29/7/2021 của Tỉnh ủy về CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phần đầu năm 2023, chỉ số Par Index, Sipas nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước và tiếp tục cải thiện, nâng cao vị trí xếp hạng trong những năm tiếp theo; chỉ số PAPI phần đầu năm nằm trong nhóm trung bình của cả nước.

Xác định nhiệm vụ CCHC, cải thiện và nâng cao các chỉ số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, cấp bách trong năm 2023 và những năm tiếp theo; sự hài lòng của người dân là thước đo chất lượng CCHC. Đẩy mạnh CCHC quyết liệt, đồng bộ, theo hướng “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm”, đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, có hiệu quả cao. Trong đó cần phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, đại biểu đã thẳng thắn chỉ ra những tồn tại,

**KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2022 CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**  
(Kèm theo Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh Điện Biên)

KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2022 CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH

Thứ hạng	Tên cơ quan	Điểm thăm định (Tối đa 80 điểm)	Điểm điều tra XHH (Tối đa 20 điểm)	Tổng điểm đạt được	Điểm tối đa (để tính tỷ lệ %)	Tỷ lệ điểm trung bình (%)	Tăng "+"/Giảm "-" so với năm 2021	
							Điểm (%)	Thứ hạng
1	Sở Tư pháp	69,9	18,229	88,129	98	89,928	-2,696	0
2	Văn Phòng UBND tỉnh	58,5	18,687	77,187	86,25	89,492	-2,040	0
3	Sở Nội vụ	68,61	17,887	86,497	96,75	89,403	-1,314	0
4	Sở Thông tin và Truyền thông	66,948	18,484	85,432	95,75	89,223	-1,047	0
5	Sở Tài chính	63,764	18,195	81,959	92,75	88,365	-1,842	0
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	67,65	17,603	85,253	98	86,993	+ 4,345	+ 8
7	Sở Khoa học và Công nghệ	65,18	17,352	82,532	95,75	86,195	+1,334	+ 2
8	Thanh tra tỉnh	55,9	17,5	73,4	85,25	86,1	-1,374	-2
9	Sở Kế hoạch và đầu tư	64,95	16,673	81,623	95,75	85,246	-0,587	-2
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	67,023	16,346	83,369	98	85,07	+ 1,086	+ 2

*Kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh năm 2022.*

hạn chế trong CCHC của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, còn nhiều tiêu chí thành phần đạt điểm thấp...

Để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch CCHC năm 2023 và Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030, nâng cao kết quả hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh, đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Lê Thành Đô đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương thời gian tới cần tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương với công tác CCHC, thực hiện có hiệu quả và thực chất việc gắn kết quả CCHC với công tác đánh giá, xếp loại, quy hoạch, bổ nhiệm, thi đua, khen thưởng đối với tập thể,

cá nhân người đứng đầu và CBCC có liên quan tại từng đơn vị, địa phương.

Đề xuất các giải pháp tạo đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả CCHC, nhất là cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” về hoàn thiện thể chế; tiếp tục rà soát, đơn giản hóa TTHC nói chung, các TTHC nội bộ nói riêng, kịp thời kiến nghị sửa đổi những quy định chưa phù hợp, chưa sát với thực tế, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; rà soát, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ các dịch vụ công trực tuyến; bổ sung trang thiết bị và nguồn lực cần thiết, có các giải pháp cụ thể để triển khai có hiệu quả 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06.

Tăng cường và đẩy mạnh công tác thông

tin, tuyên truyền về CCHC cho cán bộ, công chức và người dân, doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận cao, sự chung tay của cán bộ, công chức, viên chức và toàn xã hội trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Đề cao vai trò tiên phong, nêu gương của các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức trên địa bàn và CBCCVC trong thực hiện các mục tiêu CCHC do tỉnh đề ra...

Nhân dịp này, UBND tỉnh đã tặng Bằng khen cho 02 tập thể và 05 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong tham mưu, tổ chức triển khai, thực hiện công tác CCHC năm 2022./.

**Đinh Hà**

Sở Khoa học và Công nghệ

## TIỀM NĂNG, THỰC TRẠNG, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ DƯỚI TÁN RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

**Đ**iện Biên là tỉnh miền núi, biên giới ở khu vực Tây Bắc, có đường biên giới dài 398,5 km, tiếp giáp với hai quốc gia Lào và Trung Quốc. Toàn tỉnh có 10 đơn vị hành chính cấp huyện với 129 xã, phường, thị trấn; dân số trên 60 vạn người, với 19 dân tộc anh em sinh sống, phân bố không đồng đều, mật độ bình quân khoảng 63 người/km<sup>2</sup>. Với diện tích đất quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp 694.753 ha, chiếm 72,8% diện tích tự nhiên toàn tỉnh (trong đó diện tích đất có rừng là 407.030 ha), Điện Biên là tỉnh có tiềm năng lớn về đất đai, tài nguyên rừng để phát triển kinh tế dưới tán rừng.

Trong những năm gần đây, nhiều mô hình phát triển sinh kế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên bước đầu đã mang lại hiệu quả về kinh tế, tăng thu nhập và đặc biệt là nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Điện Biên có khoảng trên 900 ha cây lâm sản ngoài gỗ được trồng theo các chương trình, dự án và trồng tự phát trong dân. Trong đó, các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng có khoảng 500 ha; sản lượng sản phẩm thu hoạch năm 2020 đạt khoảng 400 tấn, giá trị đạt khoảng 16,2 tỷ đồng. Phần lớn



Bà con nông dân tham quan mô hình sản xuất tại xã Ngõi Cáy - huyện Mường Ảng.

Ảnh: **Hiệu Ngân**

diện tích cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh tập trung tại các vùng núi cao của các huyện Tuần Giáo, Mường Nhé, Nậm Pồ với các loại cây đặc trưng như Sa nhân, Thảo quả,...; ngoài ra, một số mô hình trồng cây Đinh lăng, Nghệ đen, Hương nhu, Ba kích, Ý dĩ, Sâm Ngọc Linh, Sả Java,... cũng bắt đầu được người dân tại một số địa phương tìm hiểu, thực hiện. Hiện nay, có khoảng trên 250 ha trồng các loài cây Sa nhân, Thảo quả đã cho thu hoạch ổn định hàng năm với giá trị thu nhập từ cây Thảo quả khoảng 40 - 60 triệu đồng/ha/năm, cây Sa nhân từ 60 - 100 triệu đồng/ha/năm. Đối với người dân ở các huyện vùng cao việc nhận giao, khoán bảo vệ rừng gắn với phát triển kinh tế dưới tán rừng, khoanh nuôi, trồng cây dược liệu dưới tán rừng đang mang lại hiệu

quả kinh tế nhất định, góp phần đáng kể vào công tác xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người dân.

Mặc dù có tiềm năng lớn để phát triển, song đến nay việc phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị dưới tán rừng tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Điện Biên còn nhỏ lẻ, manh mún, chủ yếu mang tính chất tự phát, hầu hết chưa có các mối liên kết trong sản xuất, bao tiêu sản phẩm, chưa thực sự được đầu tư để các sản phẩm của các loài cây này thực sự trở thành hàng hóa, từ đó có thể mang lại hiệu quả kinh tế cao và bền vững cho người dân sống gần rừng. Các cây dược liệu quý chủ yếu dựa trên việc thu hái, khai thác tự nhiên mà chưa chú trọng đến việc gieo trồng, tái sinh; một số loài đứng trước nguy cơ cạn kiệt; sản phẩm thu

được chỉ được người dân sơ chế mang bán tại chợ hoặc thương lái đến tận xã thu mua nên giá trị rất thấp. Ngoài ra, các kỹ thuật về chọn giống, trồng, chăm sóc, thu hái, chế biến sản phẩm của các loài cây này đối với người trồng còn hạn chế, chưa được tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao một cách bài bản; bên cạnh đó, việc nhân giống các loài cây trên còn rất hạn chế và không mang tính khoa học, chưa có thói quen trồng lại, trồng thâm canh nên chưa phát triển được thành các vùng sản xuất hàng hóa. Nguyên nhân chủ yếu là do đầu ra sản phẩm của các loài cây này không ổn định chủ yếu phụ thuộc vào thương lái thu mua để đưa về các tỉnh miền xuôi, chưa hình thành được mối liên kết giữa doanh nghiệp và người dân để duy trì và phát triển các diện tích đã thực hiện, các doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư vào chế biến dược liệu, bởi sản lượng dược liệu chưa đủ lớn, không ổn định.

Và để ngành lâm nghiệp của tỉnh phát triển tương xứng với tiềm năng và lợi thế, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, trong đó có định hướng đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp bằng việc tăng cường khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển rừng sản xuất, trồng rừng gỗ lớn, đầu tư mở rộng diện tích các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị theo hướng tập trung, tạo vùng nguyên liệu sản xuất hàng hóa.

Để cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung Nghị quyết của Tỉnh ủy, hiện nay UBND tỉnh Điện Biên đang tổ chức xây dựng Đề án phát triển kinh tế lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh với mục tiêu mở rộng diện

tích trồng cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị, tập trung phát triển các loài cây có tiềm năng đầu ra của sản phẩm (Sa nhân, Thảo quả, Đảng sâm,...), phấn đấu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh có trên 1.000 ha cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng với trên 500 ha cho thu hoạch ổn định hàng năm để nâng cao thu nhập và đời sống của người dân vùng rừng, giảm áp lực khai thác vào tài nguyên rừng, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên này trong tự nhiên. Đồng thời, phát triển kinh tế dưới tán rừng cũng là một trong những định hướng, mục tiêu quan trọng trong kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững của tỉnh trong những năm tới.

Hiện nay, định hướng phát triển kinh tế dưới tán rừng đang được UBND tỉnh tập trung chỉ đạo và đề ra các giải pháp tổ chức thực hiện cụ thể như:

- Tổ chức điều tra, đánh giá cụ thể, khoa học về thực trạng phân bố, phát triển của các loài cây lâm sản, cây dược liệu có giá trị cao, tiềm năng sản phẩm đầu ra lớn để phân vùng, tập trung đầu tư phát triển theo hướng tập trung, sản xuất hàng hóa.

- Tập trung chỉ đạo tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư phát triển các loài cây lâm sản, cây dược liệu có giá trị cao dưới tán rừng. Hỗ trợ thành lập các Hợp tác xã để giúp các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, tổ chức sản xuất tinh chế, chế biến sâu các sản phẩm dược liệu để nâng cao giá trị sản phẩm.

- Xây dựng và thực hiện một cơ chế chung về sử dụng đất đai và chia sẻ lợi ích để đảm bảo hài hòa lợi ích của cả doanh nghiệp và người dân, từ đó tăng cường mối liên kết chặt chẽ giữa người dân và doanh nghiệp, tạo ra sự tin tưởng của các bên tham gia.

- Huy động, bố trí mọi nguồn lực để xây dựng, ban hành các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân liên kết phát triển kinh tế lâm nghiệp, phát triển kinh tế dưới tán rừng.

- Cấp ủy, chính quyền các địa phương phải thực sự quan tâm, tạo điều kiện, đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện tuyên truyền, vận động, giải thích, thuyết phục để người dân hiểu được chủ trương, cơ chế, chính sách của tỉnh, hiểu được lợi ích khi thực hiện phát triển kinh tế dưới tán rừng; chủ động tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

Một số giải pháp:

- Sớm tham mưu ban hành cơ chế, hướng dẫn thực hiện chính sách cho thuê môi trường rừng để phát triển cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng (nội dung này trong quy định của Luật Lâm nghiệp và Nghị định của Chính phủ đã có, tuy nhiên để các tỉnh áp dụng triển khai được cũng cần có được sự hướng dẫn cụ thể).

- Xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong tập trung đất đai để thực hiện các dự án phát triển nông lâm nghiệp nói chung và phát triển kinh tế dưới tán rừng nói riêng.

- Nâng mức hỗ trợ phát triển lâm sản ngoài gỗ lên khoảng 30 triệu đồng/ha để hỗ trợ, khuyến khích người dân tích cực tham gia phát triển lâm sản ngoài gỗ, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng.

- Các Vụ, Viện nghiên cứu nghiên cứu, chọn tạo nhiều giống lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu quý hiếm, có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của tỉnh Điện Biên; chuyển giao khoa học kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc, sơ chế, chế biến để giúp người dân trên địa bàn tỉnh Điện Biên phát triển kinh tế dưới tán rừng.

- Đề nghị Chính phủ hàng năm bố trí nguồn vốn để thực hiện Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ để tỉnh có nguồn lực hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân liên kết phát triển kinh tế lâm nghiệp, phát triển kinh tế dưới tán rừng./.

**Hiếu Ngân**

Trung tâm Khuyến nông giống cây trồng vật nuôi tỉnh Điện Biên

## THỨC ĐẨY NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

**X**ác định chuyển đổi số là một trong những giải pháp quan trọng nhất để thúc đẩy tăng trưởng, thay đổi toàn diện phương thức quản lý của cả hệ thống chính trị, mô hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống xã hội của người dân; trong thời gian qua, tỉnh Điện Biên đã tập trung chỉ đạo và tổ chức triển khai thực

hiện các nội dung thúc đẩy nâng cao chất lượng cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, để người dân, doanh nghiệp hưởng lợi từ dịch vụ công, tiện ích xã hội được thuận tiện hơn, nhanh hơn, hiệu quả hơn.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành các văn





*Đ/c Lê Thành Đô, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên chủ trì hội nghị*

**Ảnh: Trọng Chiến**

bản chỉ đạo, Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh, cũng như giao chỉ tiêu, nhiệm vụ, đầu mối chủ trì và thời gian hoàn thành cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, như: Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh Điện Biên; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 phê duyệt cấp độ và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; Kế hoạch hành động số 1113/KH-UBND ngày 31/3/2023 nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch

vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh... Đồng thời, chỉ đạo tiếp tục việc đẩy mạnh thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ để hỗ trợ triển khai dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm cá nhân, tổ chức không phải hiện diện tại cơ quan nhà nước nếu pháp luật không quy định.

Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh trên cơ sở hợp nhất giữa Cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để tiếp nhận, giải quyết, theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải

quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã. Hệ thống được Bộ Công an (A05, A06) đánh giá và được kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; đáp ứng các yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật được quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019, Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn kỹ thuật về triển khai các thành phần công nghệ thông tin thiết yếu phục vụ Đề án 06; cung cấp chức năng ký số từ xa cho phép người dân sử dụng chữ ký số cá nhân để ký biểu mẫu điện tử trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Hiện tại, Hệ thống giải quyết TTHC đang cung cấp 1.774 thủ tục được đồng bộ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, trong đó 100% TTHC đủ điều kiện và có phát sinh hồ sơ được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống của tỉnh và tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trong đó có 08 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi giải quyết công việc, tăng tính công khai, minh bạch. 100% hồ sơ TTHC do các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã tiếp nhận, giải quyết được thực hiện qua Hệ thống (trừ những TTHC, dịch vụ công trực tuyến đang sử dụng trên các phần mềm, hệ thống của các Bộ, ngành Trung ương); 100% hồ sơ TTHC được công khai trên Hệ thống của tỉnh và được đồng bộ, công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia; người dân, doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin về hồ sơ trên Hệ thống, nhận thông báo trạng thái xử lý hồ sơ điện tử qua thư điện tử và kênh Zalo hành chính công của tỉnh Điện Biên. Tính đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ hồ sơ trực

tuyến đạt trên 75%.

Đồng thời, Hệ thống đã kết nối, tích hợp dùng chung với Hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia và các Hệ thống, Cơ sở dữ liệu quốc gia như: cơ sở dữ liệu quốc gia quốc gia về dân cư; cơ sở dữ liệu quốc gia quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); cơ sở dữ liệu quốc gia quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam); hệ thống quản lý lý lịch tư pháp dùng chung; hệ thống thông tin quản lý Hộ tịch (Bộ Tư pháp), hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài Chính), hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, hệ thống dịch vụ công tập trung của Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;... Để khai thác thông tin, liên thông, đồng bộ hồ sơ, trạng thái xử lý, trả kết quả hồ sơ giải quyết TTHC. Ngoài ra, hệ thống được kết nối, tích hợp, đồng bộ đầy đủ, chính xác, thường xuyên, liên tục với Cổng dịch vụ công Quốc gia để phục vụ đánh giá theo thời gian thực trên hệ thống đánh giá về Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công và hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp, sử dụng dịch vụ Chính phủ số của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Cùng với đó, để bảo đảm phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tỉnh đã thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn trang bị kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng; phát động phong trào thi đua hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số cho người dân, tổ chức; cung cấp các kênh tương tác, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến (Ví dụ như thông tin hướng

dẫn thủ tục hành chính, Hỏi-Đáp, câu hỏi thường gặp, phản ánh, kiến nghị, khảo sát, đánh giá sự hài lòng, triển khai thử nghiệm trợ lý ảo trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh).

Việc đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính, giải quyết TTHC trong thời gian qua đã giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến chất lượng hơn, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thúc đẩy nâng cao chất lượng cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Điện Biên vẫn còn một số khó khăn, hạn chế nhất định:

Trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ cho chuyển đổi số, số hóa kết quả giải quyết TTHC còn thiếu, chưa đồng bộ; nhiều khu vực dân cư sinh sống chưa được phủ sóng thông tin di động 3G/4G, dịch vụ internet băng rộng cố định. Người dân ở các xã vùng sâu, vùng xa còn thiếu thiết bị thông minh kết nối internet; chưa có tài khoản thanh toán điện tử, chưa có kỹ năng sử dụng thiết bị thông minh, thanh toán qua tài khoản thanh toán điện tử. Tỷ lệ người dân có chữ ký số còn thấp không đảm bảo điều kiện để nộp hồ sơ trực tuyến.

Một bộ phận người dân, doanh nghiệp còn e dè, chưa chủ động khai thác ứng dụng các tiện ích của chính quyền số, chuyển đổi số, dịch vụ đô thị thông minh, trong đó có dịch vụ công trực tuyến. Thói quen dùng tiền mặt của người dân chưa thay đổi và ngại tiếp cận các sản phẩm dịch vụ hiện đại; nhất là bộ phận dân cư tại địa bàn vùng sâu, vùng

xa. Nhiều thủ tục hành chính trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ phức tạp, khó triển khai trên hệ thống điện tử.

Công tác thông tin, tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến đã tích cực, đa dạng nhưng hiệu quả chưa được như mong muốn. Nhiều người dân, tổ chức còn chưa biết, chưa tin tưởng sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tổ công nghệ số cộng đồng chưa thực sự phát huy tối đa vai trò trong việc hướng dẫn người dân tạo tài khoản, sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa cao. Chưa có chính sách khuyến khích người dân, tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Để tiếp tục giữ vững và phát huy những kết quả đạt được, đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu về chuyển đổi số trong cải cách hành chính, giải quyết TTHC từng bước hiện thực hóa quyết tâm xây dựng Chính phủ kiến tạo, phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp; trong thời gian tới, tỉnh Điện Biên đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, cụ thể:

- Tiếp tục ban hành các chủ trương, chính sách của tỉnh theo chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn các Bộ, ngành Trung ương về đẩy mạnh chuyển đổi số gắn liền với cải cách hành chính, đặc biệt là thúc đẩy nâng cao chất lượng cung cấp và khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đáp ứng các yêu cầu kết nối, khai thác các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin của các Bộ, ngành để giảm giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Triển khai hiệu quả

Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung triển khai xây dựng và chia sẻ các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực để duy trì, xây dựng các hệ thống thông tin, công tác đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu cũng như công tác chuyển đổi số của tỉnh nói chung.

- Đẩy mạnh, tập trung hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06 như: Công tác làm sạch dữ liệu dân cư, thu nhận hồ sơ căn cước công dân, định danh điện tử, đảm

bảo 100% công dân trong độ tuổi theo quy định được cấp CCCD, định danh điện tử; xây dựng hệ sinh thái, dữ liệu dùng chung.

- Đầu tư trang thiết bị, nâng cấp hạ tầng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, Tổ công nghệ số cộng đồng. Đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền tới người dân, doanh nghiệp trong việc tích cực sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh./.

**Trọng Chiến**

Sở Thông tin và Truyền thông

## **XÂY DỰNG SẢN PHẨM - “OCOP” VÀ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Tỉnh Điện Biên xác định phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, là đầu tàu để tạo động lực cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Với nhiều tiềm năng, lợi thế sẵn có, tỉnh đang tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển du lịch, xây dựng tỉnh Điện Biên trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn của vùng Trung du miền núi phía Bắc vào năm 2025.

Sau hơn 4 năm triển khai Quyết định số 490/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ Chương trình OCOP đã có sự lan tỏa mạnh mẽ, được triển khai đồng bộ, rộng khắp, góp phần khơi dậy tiềm năng đất đai, sản vật, lợi thế so sánh, đặc biệt là các giá trị văn hóa vùng miền. Từ đó hình thành các sản phẩm OCOP tích hợp đa giá trị, gắn kết

giữa phát triển nông nghiệp với dịch vụ, du lịch. Nhiều địa phương đã quy hoạch được các vùng nguyên liệu đặc sản, phát triển các ngành nghề nông thôn, hình thành nhiều sản phẩm OCOP vùng miền. Đến nay, các tỉnh, thành phố trên cả nước đã đánh giá, công nhận được tổng số 65 sản phẩm OCOP thuộc nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, điểm du lịch nông thôn.

Tính đến hết tháng 8/2022, cả nước đã có 8.478 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên; trong đó có 65,4% sản phẩm 3 sao, 33,4% sản phẩm 4 sao, 1,0% sản phẩm tiềm năng 5 sao và 0,2 % sản phẩm 5 sao. Chương trình OCOP đã thu hút sự tham gia của hơn 4.351 chủ thể; trong đó có 38,3% là hợp tác xã, 26,1% là doanh nghiệp, 33,3% là



*Nông dân xã Na Sang – huyện Mường Chà thu hoạch dứa (Dứa được lựa chọn sản phẩm đặc trưng OCOP).*

Ảnh: Khắc Tân

cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh, còn lại là các tổ hợp tác.

Theo Quyết định số 919/QĐ-TTg trong giai đoạn từ nay đến năm 2025, Chương trình OCOP tiếp tục được xác định là chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị; phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần hợp tác của các chủ thể và cộng đồng để phát triển sản phẩm OCOP, gắn với mục tiêu tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, đặc biệt ở vùng miền núi, đồng bào dân tộc khó khăn. Bên cạnh những giải pháp về tuyên truyền, truyền thông, tinh thần chung của Quyết định số 919/QĐ-TTg là việc tổ chức triển khai Chương trình OCOP cần linh hoạt, phù hợp theo hướng phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng

nguyên liệu địa phương. Trong đó, tập trung phát triển các đặc sản; đẩy mạnh phát triển sản phẩm chế biến, chế biến sâu gắn với vùng nguyên liệu địa phương, văn hóa và tri thức bản địa.

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tập trung phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân nông thôn; chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông thôn. Do vậy, Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được xác định là một trong những giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm nhằm phát triển kinh tế nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới. Mục tiêu của Chương trình là đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với phát huy tiềm năng, lợi

thể về nông nghiệp, làng nghề, văn hóa và môi trường sinh thái của các địa phương. Từ đó, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị, bao trùm và phát triển bền vững.

Để tìm giải pháp tháo gỡ cho vấn đề này, việc đa dạng các sản phẩm lưu niệm, các đặc sản vùng miền, nhất là phát triển các sản phẩm OCOP và đưa vào các điểm tham quan, nghỉ dưỡng đã được tỉnh Điện Biên triển khai thực hiện và bước đầu mang lại kết quả khả quan. Từ đó góp phần nâng cao giá trị kinh tế, khơi dậy các tiềm năng về đất đai, sản vật, giá trị ẩm thực văn hóa vùng miền và mở rộng thị trường tiêu thụ, kết nối, giao thương cho sản phẩm OCOP của Điện Biên.

Vì vậy các địa phương trong tỉnh với mục tiêu của chương trình OCOP nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tạo việc làm cho nhiều người, có tính bao trùm gắn kết cộng đồng nông thôn. Do vậy, các chủ thể cần chuyển từ tư duy sản lượng sang tư duy chất lượng, nhằm nâng cao giá trị cho sản phẩm OCOP; tích hợp đa dạng sản phẩm để chia sẻ lợi ích, từ đó tạo dựng được một cộng đồng đoàn kết trong liên kết sản xuất - tiêu thụ nông đặc sản. Sản phẩm OCOP muốn có giá trị cao cần phải tinh xảo, đặc biệt là tạo được cảm xúc cho người tiêu dùng. Khi sản phẩm tạo ra được sự khác biệt thì mới có thể mang lại giá trị vượt trội, giúp cải thiện đời sống cho người dân.

Đồng thời du lịch cộng đồng phải mang lại cho du khách những trải nghiệm về cuộc sống địa phương. Phát triển du lịch nông thôn không chỉ vì lợi ích kinh tế mà còn là trách nhiệm, niềm tự hào quê hương, xứ sở. Các địa phương cần chú trọng, đầu tư phát triển thêm nhiều sản phẩm OCOP, gắn với phát triển du lịch cộng đồng, điểm du lịch nông thôn.

Phát triển các sản phẩm OCOP gắn với du lịch đang là hướng đi được các huyện thị, thành phố tập trung thực hiện và mang lại kết quả khả quan. Sau 4 năm triển khai Chương trình OCOP, đến nay tỉnh Điện Biên đã có 56 danh mục sản phẩm được công nhận đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh, trong đó có 4 sản phẩm đạt 4 sao và 52 sản phẩm đạt 3 sao. Sản phẩm OCOP được bày bán tại các điểm du lịch đã tạo thêm sức hấp dẫn, thu hút khách du lịch đến Điện Biên và “núi” chân du khách lưu trú lâu hơn. Lượng khách du lịch đến Điện Biên và số ngày tham quan, lưu trú ngày càng tăng lên. Năm 2022, đã có 810.000 lượt du khách đến Điện Biên (tăng 2,35 lần so với năm 2021), trong đó khách du lịch quốc tế 3.000 lượt. Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch gần 1.400 tỷ đồng (tăng 2,12 lần so với năm 2021); số ngày lưu trú bình quân khách du lịch khoảng 2,5 ngày (tăng 0,2 ngày).

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có hơn 400 sản phẩm làng nghề gồm nhiều chủng loại khác nhau như: thổ cẩm, mây tre đan, thủ công mỹ nghệ, rượu dân tộc... Việc lồng ghép xây dựng sản phẩm OCOP gắn với du lịch sẽ tận dụng được tối đa nguồn lực đầu tư, góp phần làm phong phú cho chương trình du lịch, thu hút du khách và ngược lại hoạt động du lịch sẽ quảng bá, tiêu thụ và nâng cao giá trị cho sản phẩm OCOP. Từ đó giúp nâng tầm sản phẩm OCOP, quảng bá hình ảnh du lịch địa phương, nâng thu nhập cho người dân, hướng tới phát triển du lịch và phát triển nông thôn bền vững. Chính vì vậy mô hình này cần được sự quan tâm, hỗ trợ từ các cấp, ngành chức năng; sự phối hợp giữa các doanh nghiệp du lịch và doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp./.

**Khắc Tân**

Trung tâm Khuyến nông giống cây trồng vật nuôi tỉnh Điện Biên

## PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA ĐẶC BIỆT LẬP THÀNH TÍCH CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 70 NĂM CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ (07/5/1954 - 07/5/2024), 115 NĂM THÀNH LẬP TỈNH (28/6/1909 - 28/6/2024), 75 NĂM THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ TỈNH ĐIỆN BIÊN (10/10/1949 - 10/10/2024)

**P**hong trào thi đua đặc biệt lập thành tích chào mừng kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024), 115 năm thành lập tỉnh (28/6/1909 - 28/6/2024), 75 năm thành lập Đảng bộ tỉnh Điện Biên (10/10/1949 - 10/10/2024) là một hoạt động lớn nhằm giáo dục, tuyên truyền cho công chức, viên chức, người lao động (CCVCNLĐ) toàn tỉnh nói chung và CCVCNLĐ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ nói riêng về lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” đã tạo nên ý chí quyết chiến, quyết thắng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong Chiến dịch 56 ngày đêm lịch sử. Nhằm tạo khí thế thi đua sôi nổi trong toàn Ngành Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên, phấn đấu nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác; ra sức thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị được giao của ngành năm 2023, năm 2024; hoàn thành và đạt kết quả cao nhất các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, lập thành tích thiết thực chào mừng kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024), 115 năm thành lập tỉnh (28/6/1909 - 28/6/2024), 75 năm thành lập Đảng bộ tỉnh Điện Biên (10/10/1949 - 10/10/2024) Sở KH&CN đã ban hành kế hoạch số 659 /KH-SKH-CN ngày 12 tháng 6 năm 2023 về phát động phong trào Thi đua đặc biệt lập thành tích chào mừng kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024), 115 năm thành lập tỉnh (28/6/1909 - 28/6/2024), 75 năm thành lập Đảng bộ tỉnh Điện Biên (10/10/1949 - 10/10/2024) với chủ đề thi đua: “Tự lực, tự cường, dân chủ, kỷ cương, đoàn kết, sáng tạo,

thi đua xây dựng tỉnh Điện Biên phát triển nhanh và bền vững”. Nội dung phong trào thi đua là thi đua đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; thi đua hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Phong trào thi đua phải được thực hiện đồng bộ, thường xuyên, liên tục, hình thức phong phú, hấp dẫn gắn với lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn và phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo động lực và sức mạnh tổng hợp trong tổ chức thực hiện. Khen thưởng phải trên cơ sở kết quả, thành tích của phong trào thi đua, kết quả công tác; bảo đảm khen thưởng khách quan, công khai, công bằng, kịp thời, đúng quy định; tạo chuyển biến rõ nét trong việc khen thưởng đối với công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, người trực tiếp lao động.

Qua phong trào thi đua, phát hiện những điển hình tiên tiến, làm nòng cốt thúc đẩy hiệu quả các phong trào thi đua, góp phần thúc đẩy hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chính trị được giao hàng năm của cơ quan, đơn vị; kịp thời tôn vinh, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến với các hình thức phù hợp. Từ đó khẳng định sự đúng đắn của đường lối chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ kính yêu. Khơi dậy tinh thần tự hào, ý chí tự lực tự cường vươn lên của quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực vượt qua khó khăn trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Điện Biên./.

**Trần Thơm**

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

# PHÒNG VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHIỆT THÁN TRÊN TRÂU BÒ

**T**heo báo cáo của các cơ quan chuyên môn thú y, hiện nay trên địa bàn các xã Xá Nhè và Mường Báng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên có các trường hợp trâu, bò ốm, chết, nhưng không được khai báo cho chính quyền địa phương, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y, mà người dân mang giết mổ, ăn thịt và bán trâu, bò mắc bệnh Nhiệt thán (còn gọi là bệnh Than, thuộc Danh mục bệnh phải công bố dịch, bệnh lây truyền giữa động vật và người, bệnh động vật cảm giết mổ và chữa bệnh).

Kết quả kiểm tra, lấy mẫu xét nghiệm của Đoàn công tác Cục Thú y cho thấy có nhiều mẫu môi trường (đất, nước) tại những nơi giết mổ trâu, bò bị bệnh, chết đều cho kết quả dương tính với mầm bệnh Nhiệt thán. Nguyên nhân chủ yếu là do gia súc chưa được tiêm phòng vắc xin Nhiệt thán; khi trâu, bò chết, người dân không khai báo cho chính quyền, cơ quan thú y địa phương mà tự ý giết mổ, ăn thịt, dẫn tới lây bệnh cho 13 người là những người trực tiếp giết mổ, ăn thịt gia súc mắc bệnh (trong tổng số 132 người phơi nhiễm). Lũy kế từ ngày 5/5/2023 đến nay, bệnh Nhiệt thán đã xảy ra tại 10 hộ/03 bản trong xã Xá Nhè, tổng số gia súc chết và tiêu hủy do mắc bệnh là 10 con (05 con trâu và 05 con bò).

Nguy cơ dịch bệnh Nhiệt thán tiếp tục xảy ra tại tỉnh Điện Biên và lây lan sang các tỉnh khác trong thời gian tới là rất cao do.

Do đó người dân cần chủ động nhận biết, phòng và điều trị bệnh nhiệt thán trên trâu bò ngay khi phát hiện ra.

**\* Cách phòng và điều trị bệnh nhiệt thán trên trâu bò**

**\* Nguyên nhân**

Bệnh do loài trực khuẩn có tên Bacillus Anthracis gây ra. Bệnh gây chết trên nhiều gia súc, lây nhiễm và gây chết cho người dân do tự ý mổ và ăn thịt gia súc mắc bệnh. Bệnh có thể xảy ra quanh năm, nhưng tập trung vào các tháng nóng ẩm, mưa nhiều (tháng 7, 8, 9).

**\* Triệu chứng**

Bệnh xảy ra mọi lứa tuổi của gia súc, thời gian ủ bệnh khoảng 1 - 2 tuần, với triệu chứng biểu hiện qua các thể sau:

- Thể quá cấp tính: xảy ra ở thời gian đầu. Bệnh xảy ra nhanh, gia súc đột ngột run rẩy, hai bên má hơi sưng, khó thở, bỏ ăn và đổ mồ hôi, niêm mạc đỏ ửng hoặc tím bầm. Gia súc nhiễm bệnh sốt cao 40,5 - 42,5°C, nghiêng răng lè lưỡi, mắt đỏ, co giật, mê man, quy xuống. Ở âm hộ hay hậu môn có thể chảy máu, chết nhanh.

- Thể cấp tính: diễn biến bệnh khoảng 24 - 48 giờ với triệu chứng sốt cao 40 - 42°C. Gia súc mệt mỏi, thở khó và nhanh, niêm mạc đỏ thẫm, tiêu chảy hoặc kiết, phân đen có lẫn máu, nước tiểu có máu. Xung huyết và xuất huyết niêm mạc bên





*Hiện tượng bò bị nhiễm bệnh nhiệt thán.*

*Ảnh: Sư tầm*

ngoài, mồm mũi có bọt hồng lẫn máu, hầu, ngực bị sưng. Trâu bò mang thai có thể bị sẩy, chết và máu chảy ra từ các lỗ tự nhiên. Tỷ lệ chết khoảng 80%.

- Thể bán cấp tính: bệnh tiến triển chậm hơn, gia súc sốt, ăn ít, những chỗ da mỏng sưng lên, niêm mạc mắt mũi, hậu môn đỏ, chảy máu mũi và mắt là triệu chứng duy nhất trước khi chết khoảng 2 - 3 ngày.

- Thể ngoài da: xuất huyết ở cổ. Ngực sưng và phù cục bộ, ban đầu đau, ung thối, sau thành mụn loét đỏ chảy nước màu vàng đỏ.

#### **\* Bệnh tích**

Trâu, bò chết do bệnh nhiệt thán bụng trương to rất nhanh, xác nhanh thối. Tất cả

các lỗ tự nhiên chảy máu tươi, máu đen đặc và khó đông. Các hạch lympho đều tụ máu, màu tím sẫm, sưng to, nhất là hạch hầu, hạch trước vai và hạch đùi. Tổ chức liên kết dưới da tụ máu, thịt tím tái, có thâm máu và tương dịch. Phổi tụ máu nặng, có màu đen. Khí quản có máu lẫn bọt. Lá lách sưng to gấp 2 - 4 lần, tím sẫm, tổ chức lách nát nhũn như bùn.

#### **\* Cách phòng và trị bệnh**

- Khi phát hiện gia súc bị bệnh Nhiệt thán thì phải thông báo tới cơ quan thú y để công bố dịch bệnh, kiểm soát dịch bệnh chặt chẽ, cách ly những con gia súc bị bệnh ra khỏi đàn, khi gia súc bị bệnh tuyệt đối không được mổ thịt hay vận chuyển con vật

qua nơi khác để tiêu thụ.

- Để phòng bệnh hiệu quả phải tiêu độc khử trùng chuồng trại bằng 1 trong các loại thuốc sát trùng đặc trị như BLOKON, BIOXIDE.

- Những chuồng gia súc của gia đình bị nhiễm bệnh cần phải đốt hết rơm, phân gia súc và tiêu độc chuồng trại thật kỹ, nạo sạch lớp đất trên cùng đem chôn tiêu độc kỹ. Xác gia súc chết phải đem thiêu ở hố chôn và tro phải chôn sâu. Tuyệt đối không được mổ khám xác gia súc bị bệnh để tránh tình trạng bệnh lây lan.

- Bệnh Nhiệt thán có thể lây lan sang cả con người nên những người không có trách nhiệm không được tiếp xúc với chuồng nuôi bị nhiễm bệnh, không được ăn thịt gia súc

bị bệnh... nếu người đã tiếp xúc với gia súc bị bệnh phải sát trùng thật kỹ để tránh mang mầm bệnh ra bên ngoài.

- Có thể dùng vắc-xin để phòng bệnh cho gia súc, tốt nhất ở những vùng dịch hoặc những vùng đang có nguy cơ bị nhiễm dịch bệnh.

+ Dùng vắc-xin nha bào Nhiệt thán Pasteur để tiêm cho gia súc, sau thời gian 15 ngày vắc-xin này sẽ giúp cho gia súc có khả năng miễn dịch và thời gian hiệu lực kéo dài hơn 1 năm.

+ Dùng vắc-xin nhược độc nha bào Nhiệt thán để tiêm cho gia súc ở những vùng có dịch bệnh thường xuyên xảy ra./.

**Bùi Thảo**

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

## ỨNG DỤNG CỦA INTERNET OF THINGS (IOT- INTERNET VẠN VẬT) TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Internet of Things (IoT - Internet vạn vật) là một công nghệ đang phát triển mạnh mẽ trong các lĩnh vực khác nhau, trong đó có sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. IoT cho phép các thiết bị kết nối và trao đổi dữ liệu với nhau thông qua internet, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng năng suất và giảm chi phí. Trong sản xuất nông nghiệp, IoT được ứng dụng để giám sát và quản lý các yếu tố môi trường như nhiệt độ, độ ẩm, độ pH, ánh sáng và lượng nước. Các cảm biến được lắp đặt trên cây trồng, đất đai và trong nhà kính để thu thập dữ liệu về môi trường sản xuất. Dữ liệu này được truyền đến máy chủ thông qua mạng internet và

được phân tích để đưa ra các quyết định quản lý sản xuất.

Ví dụ, IoT có thể được sử dụng để giám sát và điều khiển lượng nước và phân bón cho cây trồng. Các cảm biến đo lường độ ẩm của đất và nhu cầu nước của cây trồng, dữ liệu này được gửi đến hệ thống điều khiển tự động để điều chỉnh lượng nước được cung cấp cho cây trồng, điều này giúp tiết kiệm nước và phân bón, tăng năng suất và giảm chi phí. Ngoài ra, IoT cũng có thể được sử dụng để giám sát và quản lý các quy trình sản xuất trong nhà kính. Các cảm biến có thể đo lường nhiệt độ, độ ẩm và ánh sáng, và điều chỉnh các thiết bị điều hòa không khí và hệ thống



*Điều khiển tưới nhỏ giọt và quạt gió thông qua các thiết bị di động trong nhà màng.*

**Ảnh: Hoàng Bách**

tưới cây để tối ưu hóa điều kiện môi trường trong nhà kính.

Một số ứng dụng IoT khác trong sản xuất nông nghiệp bao gồm:

- Giám sát và quản lý động vật nuôi: các hệ thống IoT được sử dụng để giám sát và quản lý động vật nuôi, bao gồm lợn, bò, gia cầm và cá. Các cảm biến được lắp đặt để đo lường nhiệt độ, độ ẩm, lượng thức ăn và nước uống.

- Giám sát và quản lý môi trường trồng trọt: IoT được sử dụng để giám sát và quản lý các thửa ruộng và trang trại trồng trọt. Các cảm biến được lắp đặt để đo lường độ ẩm, nhiệt độ, ánh sáng, độ pH và lượng nước.

- Quản lý chuỗi cung ứng: IoT được sử

dụng để giám sát và quản lý chuỗi cung ứng trong sản xuất nông nghiệp.

- Giám sát và quản lý sức khỏe cây trồng: IoT được sử dụng để giám sát và quản lý sức khỏe của cây trồng, bao gồm các bệnh và sâu bệnh hại. Các cảm biến được lắp đặt để đo lường các yếu tố môi trường và sức khỏe cây trồng.

Một số ứng dụng IoT trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đã được triển khai thành công trên thế giới. Ví dụ, tại Nhật Bản, các hệ thống IoT được sử dụng để giám sát và quản lý các thửa ruộng. Các cảm biến được lắp đặt trên đất đai để đo lường độ ẩm, nhiệt độ, độ pH và lượng nước. Dữ liệu này được gửi đến máy chủ và phân tích để đưa ra các quyết định quản lý sản xuất, giúp nâng cao

năng suất và giảm chi phí. Tại Mỹ, IoT được sử dụng trong sản xuất rau quả và hoa. Các hệ thống IoT giúp giám sát nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng và lượng nước trong nhà kính. Dữ liệu này được phân tích để điều chỉnh các hệ thống tưới cây và điều hòa không khí, giúp tiết kiệm nước và điện năng, và nâng cao chất lượng sản phẩm. Ở Việt Nam, IoT cũng đang được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Ví dụ, tại Đà Lạt, các hệ thống IoT đã được triển khai để giám sát và quản lý các nhà màng, nhà kính... Các cảm biến được lắp đặt trong nhà màng như cảm biến nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, chất lượng không khí để đo lường nhiệt độ, độ ẩm, lượng khí thải và độ sạch của môi trường trong nhà màng, nhà kính. Dữ liệu này được gửi đến máy chủ và phân tích để đưa ra các quyết định bật, tắt các hệ thống tưới, hệ thống điều khiển vi khí hậu giúp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí. Còn tại Điện Biên, ứng dụng của IoT rất ít vì nhận thức về lợi ích của IoT của người dân và doanh nghiệp còn hạn chế và chi phí đầu tư ban đầu cao. Việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp mới chỉ dừng ở việc điều khiển việc tưới nước, bật và tắt quạt gió trong nhà màng thông qua hệ thống điều khiển bằng phần mềm cài trên thiết bị di động.

Tuy nhiên, việc triển khai IoT trong sản xuất nông nghiệp còn đối mặt với một số thách thức. Đầu tiên là chi phí đầu tư ban đầu để mua và lắp đặt các thiết bị cảm biến và hệ thống quản lý dữ liệu. Thứ hai, nông dân cần được đào tạo để sử dụng các công nghệ này và hiểu rõ cách sử dụng dữ liệu để quản lý sản xuất. Việc đảm bảo an ninh thông tin trong việc thu thập và quản lý dữ liệu cũng là một thách thức khi sử dụng IoT trong sản xuất nông nghiệp... Và để giải quyết những thách thức này, cần có sự hỗ trợ của các chính phủ, tổ chức và các doanh nghiệp

để giúp nông dân tiếp cận và sử dụng các công nghệ IoT một cách hiệu quả.

Tóm lại, IoT đang trở thành một công nghệ quan trọng trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm chi phí cho người nông dân. Tuy nhiên, việc triển khai IoT trong sản xuất nông nghiệp còn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm:

**Chi phí đầu tư ban đầu:** để triển khai IoT trong sản xuất nông nghiệp, người nông dân cần đầu tư vào các thiết bị cảm biến, hệ thống mạng và phần mềm quản lý dữ liệu. Điều này có thể đòi hỏi một khoản đầu tư lớn, đặc biệt đối với những nông dân có quy mô sản xuất nhỏ.

**Đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật:** sử dụng IoT trong sản xuất nông nghiệp yêu cầu các kỹ năng kỹ thuật và kiến thức đặc thù. Người nông dân cần được đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật để sử dụng các thiết bị IoT một cách hiệu quả.

**Bảo mật thông tin:** dữ liệu được thu thập từ các thiết bị IoT trong sản xuất nông nghiệp là nhạy cảm và cần được bảo vệ. Việc đảm bảo an toàn thông tin và quản lý dữ liệu là một thách thức lớn đối với những người triển khai IoT trong sản xuất nông nghiệp.

**Khả năng kết nối mạng:** việc triển khai IoT trong sản xuất nông nghiệp đòi hỏi kết nối mạng ổn định và có băng thông cao để truyền dữ liệu giữa các thiết bị IoT. Tuy nhiên, ở một số khu vực nông thôn, việc kết nối mạng có thể gặp khó khăn.

IoT là một công nghệ tiên tiến và có tiềm năng lớn trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Tuy nhiên, để đạt được những lợi ích này, cần có sự hỗ trợ từ các tổ chức và chính phủ để giúp người nông dân triển khai IoT một cách hiệu quả và bảo vệ thông tin cá nhân của họ./.

**Hoàng Bách**

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN